

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HSST
Ngày 27/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Như Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Mậu Tiêng

2. Ông Ngô Nguyên Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/TL.ST-HS ngày 16/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HS ngày 14/8/2020 đối với bị cáo:

- Phạm Quốc L., sinh ngày 04 tháng 3 năm 1999, tại: thành phố H., tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ A, khối P., phường S., thành phố H., tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Tổ 1, thôn T., xã C., thành phố H., tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nhân viên nhà hàng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Duy Q., sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thanh T., sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/8/2017, bị Công an phường M., thành phố H., tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” ; Ngày 31/5/2018 bị Công an phường T., thành phố H., tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Đánh nhau*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/5/2020 đến ngày 11/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

- Bị hại:

+ Ông Đỗ Văn B., sinh ngày 02/10/1980. Nơi cư trú: Tổ 1.1, thôn T., xã C., thành phố H., tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

+ Bà Võ Thị P., sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ 7.7, thôn Đ., xã C., thành phố H., tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Việt V., sinh năm 1998. Nơi cư trú: Tổ 2.0, thôn B., xã C., thành phố H., tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

+ Anh Nguyễn Việt P., sinh năm 1998. Nơi cư trú: Tổ 2.1, thôn B., xã C.1, thành phố H., tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

+ Bà Phùng Thị P., sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn T., xã C.2, thành phố H., tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 03/5/2020, Phạm Quốc L. đi bộ lang thang nhằm mục đích phát hiện tài sản của ai sơ hở thì trộm cắp, L. đi đến khu vực sửa chữa, đóng thuyền Trường Đà thuộc tổ 1.1, thôn T., xã C., thành phố H. thì phát hiện xe mô tô hiệu Sirius màu đen, biển kiểm soát 92C1 – 222.37 của ông Đỗ Văn B. để ngoài đường, chìa khóa vẫn cắm trên ổ điện, không có người trông giữ. Phạm Quốc L. đã lén lút đi đến vị trí để xe, bật chìa khóa điện, nổ máy xe, điều khiển xe đến nhà Nguyễn Việt P. ở xã C.1, thành phố H. để cầm cố chiếc xe vừa trộm cắp được. Sau khi thỏa thuận, P. đồng ý cầm cố chiếc xe với giá 2.000.000 đồng và P. đã đưa cho L. 2.000.000 đồng gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó, L. nhờ P. chở về nhà nhưng trên đường đi L. đề nghị P. mua cho mình 1.000.000 đồng ma túy và P. đã đồng ý đi mua cho L. ma túy. Sau đó, cả 02 cùng chở nhau đến nhà Nguyễn Anh T. thuộc thôn B., xã C.1, thành phố H. cùng nhau sử dụng ma túy.

Khi Phạm Quốc L. thực hiện hành vi trộm cắp thì ông Đỗ Văn B. đã phát hiện và tri hô nhưng không đuổi theo kịp nên đã đến Công an xã C. trình báo sự việc. Qua nghiệp vụ điều tra, lúc 12 giờ 50 phút ngày 05/5/2020, cơ quan chức năng tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Việt P. đã thu giữ được chiếc xe Sirius màu đen, Biển kiểm soát 92C1 – 222.37 và các vật chứng khác có liên quan đến vụ việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 29/KL - ĐGTS ngày 05/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hội An xác định 01 xe mô tô Sirius màu đen, biển kiểm soát 92C1 – 222.37 của ông Đỗ Văn B. tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 5.700.000 đồng.

Ngoài vụ việc nêu trên, Phạm Quốc L. còn thực hiện hành vi trộm cắp khác như sau: Lúc 17 giờ 00 phút, ngày 02/4/2020 Phạm Quốc L. đi bộ trên đường hẻm gần cây xăng thuộc Tổ 7.7, thôn T., xã C., thành phố H. thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen vàng, biển kiểm soát 92C1 – 006.30 của bà Võ Thị P. để trước nhà, chìa khóa xe vẫn cắm trên ổ điện nên L. nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát thấy không có người, L. đã lên lút lấy chiếc xe 92C1 – 006.30 rồi điều khiển đến nhà của Nguyễn Viết P. để cầm cố nhưng P. không cầm mà điện thoại cho Nguyễn Viết V. đến cầm xe với giá 1.000.000 đồng, L. giao xe cho V. sử dụng và L. viết giấy mượn của V. 1.000.000 đồng, hạn đến ngày 02/5/2020 sẽ trả. Ngày 19/5/2020 Nguyễn Viết V. đã giao nộp chiếc xe mô tô này cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật. Tại kết luận định giá tài sản số 33/KL - ĐGTS ngày 14/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hội An xác định 01 xe mô tô Sirius màu đen vàng, biển kiểm soát 92C1 – 006.30 của bà Võ Thị P. tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 9.200.000 đồng.

Cáo trạng số 30/CT - VKSHA ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An đã truy tố bị cáo Phạm Quốc L. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Phạm Quốc L. từ 12 (*mười hai*) tháng đến 15 (*mười lăm*) tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Quốc L. thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về phần dân sự, người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Viết V. yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hội An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Quốc L. thừa nhận hành vi như sau: Lúc 18 giờ 00 phút, ngày 03/5/2020 tại khu vực sửa chữa, đóng thuyền Trường Đà thuộc T1.1, thôn T., xã C., thành phố H. bị cáo Phạm Quốc L. đã lén lút chiếm đoạt chiếc mô tô hiệu Sirius màu đen, biển kiểm soát 92C1 -22.37 của ông Đỗ Văn B. có giá trị là 5.700.000 đồng để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, bị cáo L. còn khai nhận: Lúc 17 giờ 00 phút, ngày 02/4/2020, bị cáo cũng đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen vàng, biển kiểm soát 92C1-006.30 của bà Võ Thị P. để trước nhà tại Tổ 7.7, thôn T., xã C., thành phố H.. Giá trị chiếc xe bị chiếm tại thời điểm là 9.200.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ để khẳng định hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác như đã nêu trên của bị cáo Phạm Quốc L. đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Quốc L. thực hiện hành vi phạm tội một mình, không có đồng phạm, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 14.900.000 đồng. Do đó, cáo trạng số 30/CT – VKSHA - HS ngày 14/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An đã truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận định: Quyền sở hữu tài sản luôn được pháp luật bảo vệ; mọi hành vi chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm cấm và trừng phạt. Bị cáo Phạm Quốc L. đã trộm cắp tài sản là những chiếc xe mô tô của ông Đỗ Văn B. và chị Võ Thị P.. Đây là các phương tiện cá nhân để ông B., bà P. đi lại phục vụ cho đời sống sinh hoạt hằng ngày, việc bị cáo chiếm đoạt đã một phần nào đó gây khó khăn cho bị hại trong sinh hoạt hằng ngày. Hành vi trộm cắp của bị cáo gây tâm lý hoang mang lo lắng cho người dân và tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải bị pháp luật xử phạt nghiêm minh.

(4) Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt không lớn; tự thú lần phạm tội trước đó. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo cũng đã hai lần phạm tội nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Ngày 18/8/2017, bị Công an phường M., thành phố H., tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” ; Ngày 31/5/2018 bị Công an phường T., thành phố H., tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Đánh nhau*”. Các lần vi phạm pháp luật này, bị cáo đã thi hành xong, đến thời điểm phạm tội không còn xem là tiền sự nhưng cũng thấy rằng bản thân bị cáo nhiều lần vi phạm pháp luật, đã nhiều lần bị chính quyền xử lý nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án này còn có Nguyễn Viết P. và Nguyễn Viết V. có hành vi cầm cố tài sản do trộm cắp mà có nhưng khi cầm cố các chiếc xe mô tô 92C1 – 22237 và chiếc xe mô tô 92C1 – 006.30 thì P., V. không biết là xe trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự các đối tượng về hành vi này là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Viết P., Phạm Viết L. Cơ quan Cảnh sát điều tra tách riêng để xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Viết V. yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền cầm xe 1.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc bị cáo phải trả cho anh V. 1.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ các vật chứng liên quan đến vụ án bao gồm: 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đen, biển kiểm soát 92C1 – 222.37; 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đen vàng, biển kiểm soát 92C1 – 006.30; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010071; 01 biển số xe 92K7 – 8922; 01 điện thoại di động hiệu samsung màu đen; 01 gói ni lông màu trắng trong suốt, bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy bằng thủy tinh.

Đối với các tài sản là xe mô tô và giấy đăng ký xe là tài sản của người bị hại bị mất cắp nên sau khi điều tra, xác minh làm rõ Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại cho người bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với các vật chứng khác Cơ quan cảnh sát điều tra đã bàn giao cho đơn vị chức năng xử lý theo thẩm quyền là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/NQUBTVQH14, bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Quốc L.** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Phạm Quốc L. 12 (*mười hai*) tháng tù, nhưng được trừ 06 (*sáu*) ngày bị bắt tạm giữ. Bị cáo Phạm Quốc L. còn phải chịu 11 (*mười một*) tháng 24 (*hai bốn*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo Phạm Quốc L. đi thi hành án.

Về Dân sự: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, điều 589 của Bộ luật Dân sự xử: Buộc bị cáo Phạm Quốc L. phải trả cho anh Nguyễn Viết V. 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả những khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo Phạm Quốc L. phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2020). Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hội An;
- Cơ quan quân sự thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, những người TGTT khác;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Công an thành phố Hội An;
- UBND xã C., tp.H.;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Như Biên